

Tổng quan tình hình thế giới năm 2006

PHẠM THÁI VIỆT^(*)

I. Quan hệ giữa các nước lớn

1. Quan hệ Mỹ - Trung

Thực trạng và triển vọng của quan hệ Mỹ - Trung là một trong những vấn đề được dư luận thế giới thường xuyên quan tâm, nhất là khi sự phụ thuộc lẫn nhau trở thành quy luật của tồn tại và phát triển. Cả phía Mỹ lẫn Trung Quốc đều phải tính đến nguyện vọng hòa bình hữu nghị và hợp tác khi hoạch định chính sách đối với nhau. Riêng ở châu Á, trong 50 năm qua tình hình vẫn không ổn định một phần là do quan hệ các nước lớn, nhất là quan hệ Mỹ - Trung không ổn định. Hầu hết các nước Đông Nam Á hiện nay có quan hệ bình thường, hữu nghị và hợp tác với Mỹ và Trung Quốc. Quan hệ Trung- Mỹ xấu đi sẽ không có lợi cho việc giải quyết các vấn đề tranh chấp ở khu vực này, đặc biệt là vấn đề Đài Loan và vấn đề Biển Đông. Do vậy, con đường cùng tồn tại thông qua đàm phán hòa bình là sự lựa chọn ưu tiên. Hiện những vấn đề trọng yếu nhất mà hai bên đang đặt lên bàn cân để giải quyết là:

- Duy trì một trật tự quốc tế ổn định (với tư cách là hai thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an - HĐBA - Liên Hợp Quốc).

- Tạo lập/ duy trì sự phồn vinh và ổn định của nền kinh tế và thương mại thế giới (với tư cách là hai nền kinh tế lớn trong thế kỷ XXI).

^(*) TS., Trưởng phòng Phòng Thông tin Chính trị và những vấn đề chiến lược phát triển, Viện Thông tin KHXH.

- Hợp tác để cải thiện môi trường thế giới do hậu quả quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.

- Duy trì sự ổn định về chiến lược ở châu Á; hợp tác nhằm làm giảm căng thẳng và ngăn ngừa chiến tranh ở các điểm nóng trên thế giới như Triều Tiên, Vùng Vịnh, Nam Á...

- Ngăn chặn việc phổ biến vũ khí giết người hàng loạt và hạn chế việc chuyển giao vũ khí cho các nước nằm trong khu vực nóng.

- Ngăn chặn việc buôn bán ma túy.

- Vấn đề nhân quyền.

- Vấn đề Đài Loan.

Trong hàng loạt vấn đề nói trên, kinh tế là lĩnh vực dễ đạt được sự đồng thuận của hai bên hơn cả, do các bên đều thấy ở nhau khả năng thị trường tiềm tàng và nếu hợp tác với nhau sâu rộng hơn nữa sẽ mang lại lợi ích song phương.

Trước đó, nhiều nghị sĩ Mỹ vẫn cho rằng, xét về phương diện kinh tế, Trung Quốc đang thực hiện việc buôn bán không công bằng với Mỹ. Tình trạng này thể hiện ở chính sách tỷ giá thiên về xuất khẩu (ghìm giá đồng Nhân dân tệ), tình trạng buôn lũng trong bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ... Tất cả những động thái đó đã khiến thâm hụt thương mại của Mỹ với Trung Quốc đã tăng lên đáng kể trong năm 2006.

Bởi vậy, ngày 18/4/2006, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào đã công du đến Mỹ, với "thông điệp kép". Ngụ ý thứ nhất của thông điệp này là: Sự lớn mạnh của Trung Quốc sẽ không đe dọa vị thế của nước Mỹ. Ngụ ý thứ hai: Trung Quốc muốn bày tỏ thiện chí khắc phục tình trạng không công bằng trong thương mại hai chiều. Cụ thể là, trước chuyến đi của Chủ tịch Hồ Cẩm Đào, một phái đoàn Trung Quốc đã thực hiện chiến thuật "ngoại giao ký séc", cam kết mua hàng loạt sản phẩm của Mỹ với giá trị lên tới 16 tỷ USD. Một phần tư lượng sản phẩm này có xuất xứ từ bang Washington: Boeing sẽ bán 80 chiếc 737 mới; Microsoft nhận được cam kết rằng các nhà sản xuất máy tính phải cài phần mềm hợp pháp khi bán máy vào Trung Quốc.

Với những động thái trên, quan hệ Mỹ – Trung thật sự đã có sự tiến triển đáng kể trong năm 2006.

2. Quan hệ Trung – Nga

Xuất phát từ tầm quan trọng về vị trí chiến lược của Đông Nam Á, từ động thái của Mỹ đối với khu vực này, hai nước Nga và Trung Quốc có nhiều điểm tương đồng trong việc nhìn nhận đánh giá khu vực Đông Nam Á. Thêm vào đó, Nga và Trung Quốc cùng có những lợi ích chung ở Trung Á. Cả hai nước đều coi Trung Á như sân sau sống còn và lá chắn an ninh không thể thiếu. Vì vậy, việc Mỹ đang tìm gia tăng ảnh hưởng ở khu vực này đã đẩy Nga và Trung Quốc xích lại gần nhau hơn nữa. Biểu hiện cụ thể của xu hướng đó là cam kết của hai bên trong khuôn khổ Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO).

Là một láng giềng quan trọng của Trung Quốc, Nga luôn là ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của quốc gia đông dân nhất thế giới này. Cựu Tổng thống Boris Yeltsin đã có chuyến thăm Trung Quốc đầu tiên kể từ khi Liên Xô tan rã vào tháng 12/1992. Trong chuyến thăm đó, hai nước đã ra thông cáo chung cam kết thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác hai bên cùng có lợi. Trong chuyến thăm Moscow tháng 4/1994 của Chủ tịch Giang Trạch Dân, hai nước đã nâng vị thế quan hệ lên tầm "Đối tác xây dựng". Tháng 9/1996 các nhà lãnh đạo hàng đầu hai nước tiếp tục gặp gỡ để thoả thuận đưa mối quan hệ lên "Đối tác chiến lược ở mức cao hơn".

Hai nước đã hợp tác tích cực trong hàng loạt các vấn đề song phương, khu vực và toàn cầu. Cơ chế hợp tác giữa hai nước là liên lạc thường xuyên giữa lãnh đạo nhà nước, các bộ ngành nhằm thảo luận hàng loạt các vấn đề hai bên cùng quan tâm. Năm 2001, Nga và Trung Quốc đã ký Hiệp ước Láng giềng thân thiện, Hợp tác hữu nghị.

Sự hợp tác hiệu quả giữa hai nước trong các vấn đề quốc tế, đặc biệt là an ninh cho thấy quan hệ đối tác chiến lược Nga - Trung đã trở thành yếu tố quan trọng trên trường quốc tế. Hợp tác khu vực cũng là một khía cạnh quan trọng trong mối quan hệ đối tác chiến lược Nga - Trung. Hai nước đã đồng tổ chức Diễn đàn Thượng Hải tháng 4/1996 với sự tham gia của Trung Quốc, Nga, Kazakhstan, Kyrgyzstan và Tajikistan. Diễn đàn đã góp phần gây dựng lòng tin giữa 5 nước trong nhiều vấn đề quan trọng như quân sự tại các vùng biên giới, giải giáp vũ khí, khu vực phi quân sự, phân định ranh giới...

Tháng 6/2001, Diễn đàn trên đã mở rộng thành Tổ chức Hợp tác Thượng Hải - một mô hình mới về hợp tác khu vực trong thế giới hậu Chiến tranh Lạnh. Tổ chức này đã hợp tác hiệu quả trong hàng loạt vấn đề như chống khủng bố, ly khai và thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại và an ninh.

Đối với cuộc khủng hoảng hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, Nga và Trung Quốc đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn sự leo thang của vấn đề.

Hai nước cũng đã phối hợp giải quyết vấn đề biên giới, tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, năng lượng và quân sự; cùng nhau thúc đẩy quá trình cải tổ Liên Hợp Quốc, đảm bảo vị thế tối cao của định chế này trong việc giải quyết các vấn đề an ninh (1).

Những điểm tương đồng về chiến lược nói trên đã và đang là động lực thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ hai bên trong năm 2006, trên nhiều lĩnh vực như: năng lượng, an ninh quốc phòng và kinh tế. Đánh dấu mối quan hệ đa diện này trong năm 2006 là chuyến thăm chính thức Trung Quốc của Tổng thống Nga V. Putin (3/2006). Một chuyên gia của Quỹ Heritage Foundation đã bình luận về chuyến thăm Trung Quốc của Tổng thống Nga Putin như sau: “Đây là một sự chuyển dịch nữa trong cân bằng chiến lược tại khu vực Á - Âu và là bước nhảy vọt chiến lược khổng lồ đối với Bắc Kinh. Trung Quốc và Nga là hai đồng minh chiến lược hiện đang khống chế một không gian Á - Âu từ Nam Hải đến biển Ban Tích” (2).

Trong chuyến đi này, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào và Tổng thống Nga V. Putin đã cam kết tăng cường các quan hệ song phương, và trước hết là về văn hóa. Trung Quốc đã định năm 2006 là *Năm văn hóa Nga*. Còn về phía mình, Nga cũng sẽ tổ chức một loạt các chương trình văn hóa tương tự gọi là *Năm Trung Quốc* vào 2007.

Bàn về chính trị - an ninh quốc tế, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào cho rằng, Trung Quốc và Nga có chung trách nhiệm là duy trì hòa bình và ổn định trên thế giới; hai nước đã và sẽ tích cực hợp tác cùng nhau để giải quyết các sự vụ quốc tế. Hai bên cũng đề cập đến vấn đề hạt nhân Iran và cam kết sẽ giải quyết vấn đề này “thông qua các biện pháp ngoại giao và chính trị”.

Trung Quốc dự kiến chi hàng tỉ USD để mua trang thiết bị quân sự tiên tiến của Nga. Trong năm 2006, hai nước đã tổ chức vòng 2 cuộc tập trận chung.

Liên quan đến hợp tác kinh tế song phương, Nga và Trung Quốc đã ký 15 thỏa thuận kinh tế quan trọng trong chuyến thăm Bắc Kinh của Tổng thống Putin, trong đó có thỏa thuận xây dựng hai đường ống dẫn khí từ Nga sang Trung Quốc với lưu lượng luân chuyển khoảng 80 tỷ mét khối khí mỗi năm. Đây là một trong rất nhiều thỏa thuận về kinh tế mà Nga và Trung Quốc đã ký kết trong chuyến thăm Bắc Kinh của Tổng thống Nga Putin. Cũng trong chuyến thăm này, Tổng thống Putin và Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã cam kết sẽ cùng nhau xây dựng quan hệ chặt chẽ hơn trong lĩnh vực viễn thông và vận tải.

Với sự tăng cường hợp tác nhiều mặt như vậy, mối quan hệ Nga-Trung đang ở mức tốt nhất từ trước đến nay.

3. Quan hệ Nga – Mỹ

Quan hệ song phương Nga – Mỹ đã từng ấm lên sau sự kiện 11/9/2001, khi Tổng thống Putin cam kết cùng Washington chống khủng bố. Nhưng mấy năm gần đây, bầu không khí giữa Kremlin và Nhà Trắng trở nên lạnh lẽo, do những bất đồng xung quanh vấn đề Trung Đông, vấn đề nhiên liệu ở châu Âu, việc gia nhập WTO của Nga và sự cạnh tranh giữa hai cường quốc trong việc giành ảnh hưởng ở các nước thuộc Liên Xô cũ.

Mỹ vốn công khai ủng hộ những nước nằm sát Nga cùng các phe nhóm chủ trương thoát khỏi cái bóng của Moscow. Về phía mình, Nga cho rằng, Mỹ và một số nước phương Tây đang lấn sân sang những khu vực ảnh hưởng truyền thống của Nga.

Trong năm 2006, Mỹ và phương Tây thường xuyên cáo buộc Nga là bắt nạt các nước láng giềng bằng “vũ khí năng lượng”. Nguồn năng lượng khổng lồ mà Nga cung ứng cho các nước thuộc Liên Xô cũ và Tây Âu đang trở thành một lợi thế của nước này trong các cuộc đàm phán, nhất là khi nhu cầu năng lượng của thế giới nói chung đang không ngừng tăng lên trong những năm gần đây.

Với những khác biệt về chiến lược như vậy, mối quan hệ Nga - Mỹ thường tiềm ẩn những bất hòa và khi có điều kiện sẽ bộc lộ. Chẳng hạn, Nga giữ quan điểm khác với Mỹ trong vấn đề Trung Đông: Khi Washington công khai ngả về phía Israel và tẩy chay Chính phủ Palestin do Hamas lãnh đạo, thì đổi lại, Moscow lại mời Hamas đến viếng thăm nước này; đối với vấn đề hạt nhân của Iran, Moscow chỉ chấp nhận việc gây sức ép ngoại giao, trong khi Mỹ mong muốn có được những liệu pháp cứng rắn hơn như trừng phạt kinh tế hay hành động quân sự.

Tất cả những dồn nén trong quan hệ giữa hai cường quốc đã được dịp bùng phát khi Mỹ công bố lệnh trừng phạt đối với 7 công ty thuộc Nga, Ấn Độ, Bắc Triều Tiên và Cuba vào ngày 4/8/2006. Trong số đó, Nga có hai công ty xuất khẩu vũ khí hàng đầu là Rosoboronexport - hãng quốc doanh xuất khẩu vũ khí hàng đầu của Nga và Hãng sản xuất máy bay chiến đấu Sukhoi.

Việc Washington đưa ra cho lệnh trừng phạt các công ty là dựa trên “Luật chống phổ biến vũ khí cho Iran” của Mỹ. Thế theo luật này, các hãng nói trên đã vi phạm luật vì bán những hàng hóa mà dựa vào đó Tehran có thể chế tạo ra vũ khí hủy diệt hàng loạt. Phản ứng lại, báo chí Nga cho rằng, lệnh trừng phạt trên chỉ phản ánh sự ganh tỵ của Mỹ sau khi Nga công bố trị giá các hợp đồng vũ khí với Venezuela lên tới 3 tỷ USD; và ganh tỵ với sự kiện Nga ký thỏa thuận bán cho Iran hệ thống phòng không TOR-M1 cùng các máy bay chiến đấu, đánh bom và trực thăng quân sự (năm 2005). Bộ Ngoại giao Nga đã tuyên bố rằng, hành động nói trên của Mỹ là “không chính đáng” vì đã buộc các công ty nước ngoài phải tuân thủ pháp luật Mỹ.

Cũng liên quan đến lệnh trừng phạt nói trên, các nhà phân tích chính trị lo ngại rằng, lệnh này sẽ gây ảnh hưởng xấu tới cơ hội giành hợp đồng của các công ty Mỹ tại Nga, mà trong số cơ hội đó có dự án xây trạm khí đốt trị giá 20 tỷ USD ở Bắc cực và hợp đồng cung cấp máy bay trị giá 3 tỷ USD cho Hãng hàng không Aeroflot.

4. Quan hệ Nhật - Trung

Vào cuối năm 2005, hàng loạt các chuyến thăm đền Yasukuni của Thủ tướng Nhật Bản đã làm gia tăng căng thẳng trong quan hệ Trung- Nhật. Ngày 12/12/2005, Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo đã cảnh báo Thủ tướng Nhật Bản Junichiro Koizumi rằng, quan hệ giữa Nhật Bản và các nước châu Á có nguy cơ bị huỷ hoại nếu như ông Koizumi còn đến thăm ngôi đền tử sĩ Yasukuni.

Trong một cuộc hội đàm với Tổng thống Hàn Quốc Roh Moo-hyun (10/2005), Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo đã đề cập đến sự kiện ông Koizumi tới thăm ngôi đền tử sĩ đó 5 lần; và cho rằng, điều này gây ra sự bất bình cho người dân Trung Quốc cũng như Hàn Quốc. Phản ứng cụ thể sau đó là việc Thủ tướng Trung Quốc và Tổng thống Hàn Quốc đã huỷ bỏ cuộc gặp gỡ 3 bên như dự kiến sẽ diễn ra bên lề hội nghị thượng đỉnh ASEAN (tháng 12/2005) tại Malaysia. Bản thân Trung Quốc đã từ chối tổ chức các cuộc đàm phán cấp cao với Nhật Bản từ tháng 10/2005 - kể từ khi ông Koizumi thực hiện chuyến thăm thứ năm tới ngôi đền.

Quan hệ giữa Bắc Kinh với Tokyo lại càng trở nên xấu đi khi Trung Quốc- quốc gia châu Á duy nhất có quyền phủ quyết trong HĐBA Liên Hợp Quốc, trong suốt năm 2005, đã ngăn cản nỗ lực tìm kiếm một ghế trong HĐBA của Nhật Bản, với lý do là: Tokyo chưa làm gì để chuộc lại những lỗi lầm mà họ đã gây ra trong Chiến tranh Thế giới II, và cũng chưa làm được gì đáng kể cho cộng đồng quốc tế.

Bất đồng bắt nguồn từ quá khứ đã châm ngòi cho những tranh cãi hiện nay giữa hai bên về nhiều vấn đề còn vướng mắc như: Sự gia tăng tiềm lực quốc phòng của Trung Quốc đang đe dọa an ninh của Nhật Bản; cuộc tranh chấp hải phận liên quan đến quyền khai thác năng lượng...

Liên quan đến tranh chấp giữa Nhật Bản và Trung Quốc tại khu vực biển Đông Trung Hoa nơi được dự đoán là có một trữ lượng dầu mỏ lớn, Nhật tỏ ra lo ngại rằng, các hoạt động của Trung Quốc có thể động chạm tới trữ lượng khí đốt mà Nhật Bản coi là của

mình. Bởi vậy, tháng 4/2006, Nhật Bản đã đề xuất phương án cùng thăm dò, song bị phía Trung Quốc bác bỏ. Tuy nhiên cả hai phía đều thống nhất sẽ tái thảo luận về vấn đề này.

Liên quan đến an ninh quốc phòng, phía Nhật Bản cho rằng, Bắc Kinh ngày càng trở thành mối đe dọa đối với Nhật và các nước trong khu vực khi đất nước này đang ráo riết tăng cường tiềm lực quân sự. “Đó là một nước láng giềng có hơn 1 tỷ dân, sở hữu bom nguyên tử và không ngừng gia tăng chi tiêu quốc phòng trong suốt 12 năm qua” (3). Tokyo đã kêu gọi Bắc Kinh tăng cường tính minh bạch trong các vấn đề quân sự, sau khi bày tỏ quan ngại về tốc độ tăng chi tiêu cho quốc phòng của nước láng giềng. “Nhật Bản sẽ tiếp tục theo dõi sự gia tăng trong ngân sách quốc phòng và quá trình hiện đại hoá quân đội của Trung Quốc vì có một số vấn đề vẫn chưa minh bạch” - Bộ Ngoại giao Nhật Bản tuyên bố trong bản báo cáo tình hình ngoại giao năm 2005 của nước này. Đây là lần đầu tiên báo cáo ngoại giao thường niên của Nhật Bản trực tiếp kêu gọi Bắc Kinh tăng cường tính minh bạch trong lĩnh vực quân sự.

Nhưng báo cáo cũng lần đầu tiên ca ngợi tốc độ phát triển kinh tế của nước láng giềng và khẳng định rằng Tokyo vẫn luôn hướng tới việc phát triển quan hệ với Trung Quốc. Các mối quan hệ thương mại giữa 2 quốc gia châu Á vẫn phát triển đều mặc dù quan hệ chính trị vẫn đang trong tình trạng căng thẳng.

Trong tình huống “vừa hợp tác, vừa đấu tranh như vậy”, Nhật Bản đã có những bước đi thích hợp để cân bằng sức mạnh tại khu vực. Một trong số đó là việc ủng hộ chương trình chống tên lửa đạn đạo của Mỹ và cho phép chương trình này triển khai trên đất Nhật. Ngày 24/12/2005, một quan chức cấp cao thuộc Chính phủ Nhật Bản cho biết, Nhật Bản quyết định tiếp tục cùng với Mỹ phát triển chương trình chống tên lửa đạn đạo chung giữa 2 nước. Chánh văn phòng nội các Nhật Shinzo Abe cũng cho biết: Những bước đi cụ thể sẽ được đưa ra nhằm đảm bảo rằng, dự án chống tên lửa đạn đạo có mục tiêu là phát triển các tên lửa tự vệ nhằm ngăn chặn các đường tên lửa tấn công và trên cơ sở phù hợp với hiến pháp hoà bình của Nhật Bản. Hai quốc gia (Nhật và Mỹ) đã thoả thuận sẽ đưa ra dự án có tổng chi phí 2,6 tỷ Euro. Những nỗ lực nói

trên của Nhật Bản đã thể hiện sự thay đổi sâu sắc trong chính sách phòng thủ của Nhật Bản dưới thời Thủ tướng Junichiro Koizumi. Một số nhà bình luận cho rằng, sự cải cách nói trên đang phá vỡ các chính sách hoà bình được đưa ra từ sau Chiến tranh Thế giới II.

Nhằm làm giảm áp lực của cuộc tranh chấp lãnh hải liên quan đến quyền khai thác năng lượng, Nhật Bản đã hướng đến Trung Á. Tháng 8/2006, với chuyến công du 4 ngày, Thủ tướng Koizumi lần đầu tiên đến thăm Trung Á để ký hiệp định về hợp tác hạt nhân với Kazakhstan. Tiếp đó, ông đã tới Uzbekistan. Kazakhstan và Uzbekistan là những nước có nguồn dầu và nguồn khí tự nhiên lớn. Ngoài ra, họ còn có trữ lượng uranium lớn thứ hai thế giới. Cần phải thấy rằng, nguồn điện hạt nhân của Nhật Bản chiếm tới 30% sản lượng điện của nước này. Về lâu dài, dầu khí không phải là nguồn năng lượng duy nhất mà Nhật Bản quan tâm. Nước này cũng đang thúc đẩy nỗ lực mua uranium ở nước ngoài. Nhu cầu năng lượng hạt nhân đang tăng lên, nhất là khi giá dầu khí lên cao và những mối lo về ô nhiễm môi trường ngày càng lớn.

Sự căng thẳng Nhật – Trung trong vấn đề năng lượng đã dẫn tới những va đụng tại khu vực Trung Đông. Hồi đầu năm 2004, Nhật và Iran ký thỏa thuận 2 tỷ USD để phát triển mỏ dầu Azadegan. Nhưng trong khi căng thẳng giữa Mỹ và phương Tây đang ngày càng tăng về chương trình hạt nhân của Tehran, Tokyo lo sợ điều này sẽ ảnh hưởng đến các dự án của họ. Trung Quốc hiện giành được quyền khai thác mỏ Yadavaran. Các nhà phân tích cho rằng, nếu như Nhật Bản buộc phải từ bỏ dự án Azadegan do áp lực của quốc tế đối với Tehran, thì Bắc Kinh sẽ thế vào chỗ của Tokyo. Trung Quốc từ năm 2003 đã qua mặt Nhật Bản và trở thành nước nhập dầu lớn thứ hai thế giới sau Mỹ. Hiện nay quốc gia này phải nhập hơn 40% lượng dầu cho nhu cầu. Năm 2005, công ty dầu quốc doanh của Trung Quốc CNPC mua công ty PetroKazakhstan - có trụ sở ở Canada và hoạt động duy nhất ở Kazakhstan. Hồi tháng 12, đường ống dài 1.000 km từ quốc gia Trung Á này đã đưa dầu tới miền tây Trung Quốc (4).

Tháng 9 năm 2006, Quốc hội Nhật Bản vừa nhất trí bầu Chủ tịch Đảng Dân chủ tự do cầm quyền Shinzo Abe làm Thủ tướng, kế nhiệm ông Koizumi. Trên cương vị mới, ông Abe sẽ tiếp tục thúc đẩy chính sách thân Mỹ, tiến hành cải cách hiến pháp và theo đuổi một chính sách ngoại giao quyết đoán. Nhiều nhà quan sát đánh giá một trong các ưu tiên hàng đầu của tân Thủ tướng là xem xét sửa đổi Hiến pháp Nhật cho phép nước này phát triển quân đội như các nước khác. Ông Abe đã nhiều lần kêu gọi Nhật Bản nên có một luật mới cho phép đưa quân đội ra nước ngoài tham gia các sứ mạng gìn giữ hoà bình quốc tế và hợp tác quân sự chặt chẽ hơn với Mỹ.

Dư luận Nhật Bản hy vọng, Thủ tướng Abe sẽ thúc đẩy cải thiện quan hệ với Hàn Quốc và Trung Quốc, vốn đã bị xấu đi trong thời gian vừa qua. Tuy nhiên, khó có thể hy vọng mọi chuyện sẽ sớm trở lại bình thường, vì rằng, xét trên nguyên tắc, sự lớn mạnh về tiềm lực quân sự và khả năng thu tóm các nguồn năng lượng của Trung Quốc đang khiến Nhật Bản phải lo lắng nhiều hơn về an ninh quân sự và an ninh năng lượng của nước này (5).

5. EU và chính sách đối ngoại

29/5/2005 được gọi là ngày “động đất chính trị tại Pháp”. Đó là đại ý các tit lớn báo chí Pháp ra ngày hôm sau khi loan tin cử tri Pháp bác bỏ bản Hiệp ước Hiến pháp châu Âu với tỉ lệ 55%. Ba ngày sau tức ngày 1/6 cử tri Hà Lan giáng thêm cú nữa khi nói “Không” với tỉ lệ 62% làm cho căn nhà châu Âu lay động mạnh.

Dư luận của quần chúng châu Âu cho rằng, các chính phủ chỉ lo cho sự vận hành của guồng máy EU hơn là quan tâm đến đời sống người dân đang thất nghiệp ở ngưỡng trên 10%. Đối với họ, trước khi nghĩ tới viễn cảnh tương lai xa về một châu Âu hợp nhất, đủ sức tranh đua với Mỹ, với khối Đông Á mới hình thành, thì cần phải giải quyết những vấn đề trước mắt như: Đời sống xuống cấp, việc làm bị đe dọa bởi làn sóng nhân công đến từ Đông Âu, hay các công ty chạy khỏi châu Âu và vốn đầu tư chảy ra bên ngoài.

Thế giới ngày nay đang bị toàn cầu hóa, song tâm lý của quần chúng châu Âu vẫn chưa thật sự sẵn sàng đón nó. Chính điều này đã tạo ra hố ngăn cách về tư duy giữa giới lãnh đạo chính trị EU và quần chúng. Đối với giới lãnh đạo, nếu như Hiến pháp châu Âu được thông qua, thì EU sẽ trở thành một pháp nhân trên trường

quốc tế, có quyền ký các văn kiện ngoại giao quốc tế, có quyền nhận những nhiệm vụ quốc tế. Điểm mới trong Hiến pháp châu Âu là điều khoản về an ninh và phòng thủ, tương trợ nhau trước các biến cố thiên tai, khủng bố. Tham vọng của các nhà lãnh đạo là muốn biến EU thành một lực lượng đối trọng với Hoa Kỳ và các nhóm nước khác trên phương diện: quân sự, chính trị, kinh tế và phát triển.

Mặc dù chưa đi tới “đích cuối cùng” của quá trình nhất thể hóa, nhưng điều đó tuyệt nhiên không ngăn cản EU bày tỏ chính kiến riêng của mình về nhiều sự vụ quốc tế quan trọng.

Một sự kiện của năm 2006 cho thấy thái độ chính trị độc lập và “rất riêng” của EU: Vị thủ tướng mới nhậm chức của Đức- Bà Angela Merkel đã lên tiếng chỉ trích nhà tù Mỹ ở vịnh Guantanamo, khi nói rằng “một cơ sở như nhà tù Guantanamo không thể và không được phép tồn tại lâu dài”. Bà cho biết sẽ nêu vấn đề này với Tổng thống Mỹ G. W. Bush trong cuộc gặp dự kiến ngày 13/1/2006 tại Washington, nhân chuyến thăm đầu tiên của bà đến Mỹ kể từ khi nhậm chức Thủ tướng Đức (tháng 11/2005). Tuy nhiên, cũng giống như toàn bộ giới lãnh đạo EU, bà vẫn hy vọng là sẽ cải thiện được các mối quan hệ với Mỹ, vốn trở nên căng thẳng sau khi cựu thủ Tướng Gerhard Schroeder phản đối cuộc chiến Iraq.

Một minh chứng nổi bật khác là việc EU bất đồng quan điểm với Mỹ xung quanh cuộc chiến chống Hezbollah ở Liban của Israel (tháng 7/2006). Châu Âu lo ngại rằng, số dân thường thiệt mạng ngày càng cao sẽ khiến Hezbollah được lợi và làm suy yếu chính phủ dân bầu của Liban. Tuy nhiên, chính quyền của Tổng thống Mỹ George Bush lại bật đèn xanh cho Israel, cho Israel có thêm thời gian cần thiết để vô hiệu hóa nhóm vũ trang này. Thông điệp đó có thể giúp Israel trong chiến dịch tiêu diệt căn cứ của Hezbollah ở miền nam Liban và chặn đứng các cuộc công kích của nhóm vũ trang Shiite nhằm vào Israel.

Trái lại, EU luôn kêu gọi các bên ngừng bắn đồng thời cho rằng, việc Israel dùng tới vũ lực không chỉ đe dọa chính quyền dân chủ ở Liban mà còn giúp những nhóm Hồi giáo cực đoan như Hezbollah giành được sự ủng hộ của dân chúng (6).

6. Đường hướng phát triển của ASEAN

Trong khi Liên minh châu Âu đang xem xét tương lai của mình, thì các quốc gia châu Á chăm chú và thận trọng quan sát những bất đồng và cách giải quyết của EU để rút tỉa những bài học về lợi ích và nguy cơ mà tiến trình nhất thể hoá mang lại. Đối với các nước khác ở Đông Nam Á, việc cử tri Pháp và Hà Lan bỏ phiếu chống Hiến pháp không khiến họ nghi ngờ về sự thống nhất của châu lục này như một kết cục tất yếu trong tương lai. Abdul Razak Baginda, Giám đốc Viện Nghiên cứu chiến lược Malaysia phát biểu: “Chúng tôi hiểu đây chỉ là một phần của cả tiến trình. Chúng tôi biết châu Âu đã đi được một đoạn đường dài và đây là một giai đoạn mới. Chúng tôi không thấy điều gì có thể cản trở hay thay đổi cách chúng tôi nhìn châu Âu”.

Niềm tin về “cuộc thử nghiệm châu Âu” đã thổi sinh khí cho Hội nghị cấp cao ASEAN hàng năm lần thứ 11 đã diễn ra tại Kuala Lumpur, Malaysia ngày 11/12/2005 với chủ đề “Một tầm nhìn, một bản sắc, một cộng đồng”. Tại hội nghị, các nhà lãnh đạo ASEAN đã xem xét và hài lòng trước những kết quả trong việc triển khai các chương trình và kế hoạch hành động hướng tới mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN dựa trên ba trụ cột chính về an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội.

Trước những chuyển biến nhanh chóng của tình hình khu vực và quốc tế, các nhà lãnh đạo ASEAN đã giao cho các Bộ trưởng và quan chức cao cấp nhiệm vụ trao đổi về khả năng đẩy nhanh hơn nữa việc hoàn tất tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN so với mốc 2020 hiện nay.

Các nhà lãnh đạo ASEAN đã thảo luận việc xây dựng Hiến chương ASEAN, một văn kiện pháp lý quan trọng đặc biệt đối với mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN và tương lai phát triển của hiệp hội. Các nhà lãnh đạo nhất trí cho rằng, việc xây dựng hiến chương là một tiến trình, cần tiến hành từng bước, do vậy đã ký Tuyên bố Kuala Lumpur về Hiến chương ASEAN, vạch ra phương hướng và các nguyên tắc chỉ đạo cho quá trình xây dựng hiến chương. Theo đó, các nhà lãnh đạo đã lập và giao nhiệm vụ cho

Nhóm các nhân vật nổi tiếng (EPG) về Hiến chương ASEAN nghiên cứu, đề xuất những khuyến nghị thực tiễn cho việc xây dựng hiến chương; và sau này sẽ lập một Nhóm đặc trách để soạn thảo Hiến chương ASEAN.

Các nhà lãnh đạo cũng đã thảo luận phương hướng và biện pháp nhằm tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác cùng có lợi giữa ASEAN với các nước đối thoại, hỗ trợ mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN đồng thời duy trì vai trò chủ đạo của ASEAN tại khu vực.

II. Các điểm nóng trong đời sống chính trị thế giới

1. Vấn đề hạt nhân của Iran

Năm 2006 thế giới quan tâm nhiều đến vấn đề hạt nhân ở Iran. Đây là vấn đề đã tồn tại từ nhiều năm nay với những diễn biến rất phức tạp và những bế tắc, căng thẳng kéo dài. Trước sự phản đối của cộng đồng quốc tế, Iran luôn khẳng định rằng, nước này theo đuổi chính sách đối ngoại hoà bình và công bằng, bởi vậy, Iran có quyền phát triển công nghệ hạt nhân vì mục đích hoà bình.

Trong khi đó, các nước phương Tây, bao gồm Mỹ cùng các đồng minh EU (Anh, Pháp, Đức) và Israel lại nhìn nhận chương trình hạt nhân của Iran như một bước quá độ sang mục đích quân sự. Thái độ của nhóm nước này cũng khác nhau: Nếu EU chủ trương bằng các biện pháp ngoại giao mềm dẻo, thương lượng với Iran để giải quyết vấn đề thì Mỹ và Israel lại thiên về biện pháp cứng rắn.

Bên cạnh nhóm các nước phương Tây, quan điểm của Trung Quốc và Nga là khá ôn hòa vì cả hai cường quốc này đều có quan hệ hợp tác năng lượng và thương mại với Iran, bởi vậy, cả hai đều muốn giải quyết vấn đề hạt nhân của Iran thông qua con đường ngoại giao, đàm phán. Mới đây, dựa trên kết quả thanh tra, Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) đã xếp Nga, Trung Quốc và Pakistan vào danh sách những nhà cung cấp thiết bị sử dụng trong chương trình hạt nhân bí mật - nếu có - của Iran. (Mặc dù Tehran nói rằng, không thể xác định được những nước, nguồn gốc xuất xứ của các thiết bị nói trên bởi Iran mua chúng qua những bên thứ ba).

Chính vì những bất đồng về lợi ích và quan điểm như vậy, nên tiến trình giải quyết vấn đề hạt nhân của Iran thường gặp trì hoãn, kéo dài và chưa đi được đến những giải pháp chung trong suốt 4 năm qua.

Chính phủ Israel không giấu ý đồ sử dụng mọi phương tiện kể cả tiến công quân sự để phá huỷ các cơ sở hạt nhân của Iran. Israel đã coi Iran là mối đe dọa quân sự chính kể từ khi Saddam Hussein bị lật đổ tại Iraq. Tháng 8/2003, Israel cảnh báo rằng, tên lửa đạn đạo của Iran là một mối đe dọa đối với an ninh của cả khu vực Trung Đông. Ngay sau đó, tháng 9/2003, ngoại trưởng Israel Silvan Shalom cho biết, việc Iran theo đuổi khả năng hạt nhân là một “viễn cảnh kinh hoàng”, và quốc tế cần có một hành động ngăn chặn ngay lập tức.

Mỹ liệt Iran vào “trục ma quỷ”, nước ủng hộ chủ nghĩa khủng bố, thách thức các quyền lợi của Mỹ. Mỹ tố cáo Iran bí mật phát triển một chương trình vũ khí hạt nhân. Tháng 9 năm 2003, Mỹ đã bắt tay với hơn hai chục nước đồng minh nhằm thúc ép cơ quan giám sát hạt nhân Liên Hợp Quốc ấn định ngày 31/10/2003 là thời hạn cuối cùng để Iran chứng minh nước này không tiến hành chương trình phát triển vũ khí hạt nhân bí mật.

Phái đoàn đại biểu của Iran đã bỏ ngang cuộc họp của IAEA ngày 12/9 ngay sau khi các thành viên IAEA thông qua nghị quyết ra hạn chót 31/10 để Iran công bố toàn bộ hoạt động hạt nhân của mình. Nói về thời hạn chót, Ali Akbar Salehi - đại sứ Iran tại IAEA khẳng định, nước này không bao giờ chấp nhận thời hạn chót. “Các bên không thể áp đặt thời hạn cho một nước có chủ quyền”.

Ngày 9/1/2006, Iran đã tháo gỡ các ổ khóa niêm phong một cơ sở nguyên tử và khởi động lại chương trình hạt nhân của mình. Liên Hiệp châu Âu khẳng định động thái trên đã vi phạm thỏa thuận mà Iran đã ký với họ. Sau sự kiện này, Mỹ và EU đã đi đến kết luận chung là, việc Iran quyết định dỡ bỏ niêm phong của Liên Hợp Quốc tại các cơ sở hạt nhân của nước này và phục hồi hoạt động nghiên cứu làm giàu uranium là vượt qua ranh giới đỏ; và rằng, hành động nêu trên của Iran có nghĩa là chấm dứt những

nỗ lực đàm phán. Thực tế, bộ ba EU gồm Anh, Pháp và Đức cũng đã đi đến kết luận như vậy sau một thời gian dài đàm phán với Iran mà không đạt kết quả.

Để cứu vãn một lệnh trừng phạt toàn diện đối với Iran, Nga đã đề xuất việc làm giàu uranium của Iran trên đất Nga. Tuy nhiên các cuộc hội đàm về việc Tehran chuyển hoạt động làm giàu uranium sang đất Nga đã đổ vỡ khi Iran thẳng thừng bác bỏ điều kiện, và kiên quyết đòi hỏi phải được quyền làm giàu uranium trong nước. Trong khi đó, Trung Quốc vẫn nuôi hy vọng giải quyết các vấn đề liên quan đến hạt nhân Iran thông qua con đường ngoại giao.

Trước khả năng phủ quyết của Nga và Trung Quốc, ngày 21/3/2006, Tổng thống Mỹ George W. Bush cho biết, ông sẽ cố gắng sử dụng con đường ngoại giao để giải quyết vấn đề hạt nhân Iran. Tuy nhiên, ông nhấn mạnh nước Cộng hòa Hồi giáo này không được phép có vũ khí hạt nhân “bởi vì khi đó, họ sẽ hăm dọa cả thế giới”. Song bên cạnh đó, ông Bush vẫn khẳng định, Mỹ sẽ tiếp tục hợp tác với bộ ba EU gồm Anh, Pháp và Đức để giải bài toán hóc búa này.

Đến cuối tháng 3/2006, mọi việc đã trở nên xấu đi. Các tín hiệu phát đi từ Tehran cho thấy, nước này sẵn sàng đối mặt với một lệnh trừng phạt toàn diện, kể cả biện pháp can thiệp quân sự miễn sao đạt được mục tiêu làm giàu uranium mà họ đang theo đuổi.

Ngày 29/3/2006, HĐBA đã nhất trí thông qua tuyên bố chung kêu gọi Iran ngừng ngay chương trình làm giàu uranium và yêu cầu IAEA trong 30 ngày nữa phải nộp báo cáo về thái độ hợp tác của Iran. Tuyên bố của Hội đồng là sản phẩm của nhiều tuần thương lượng giữa 5 nước thành viên thường trực HĐBA - Anh, Pháp, Mỹ, Nga, Trung Quốc. Tuy nhiên, Nga và Trung muốn đảm bảo rằng, sẽ không có kế hoạch tấn công vũ lực nào nhằm vào Tehran, những nước còn lại muốn HĐBA ra nghị quyết trừng phạt mạnh tay đối với Iran vào đầu tháng 5/2006.

Bất chấp tình hình căng thẳng nói trên, Đại sứ Iran tại Liên Hợp Quốc Javad Zarif vẫn tuyên bố: Iran sẽ không chịu chùn bước trước áp lực quốc tế, không chịu từ bỏ quyền được sở hữu năng lượng hạt nhân. Trong thời gian tới, nước Cộng hòa Hồi giáo này có

thể huy động 54.000 máy ly tâm phục vụ cho việc làm giàu uranium tại nhà máy Natanz. Giới chức Mỹ lo ngại rằng, khi hàng chục nghìn cỗ máy hoạt động cùng lúc như vậy thì Iran hoàn toàn có thể chế tạo bom hạt nhân trong vòng nửa tháng. Ngày 11/4/2006, Tổng thống Iran, Mahmoud Ahmadinejad, cũng xác nhận rằng, nước này đã lần đầu tiên làm giàu thành công uranium trong phòng thí nghiệm, một giai đoạn quan trọng để có thể phát triển thành vũ khí hạt nhân, và chính thức gia nhập câu lạc bộ các cường quốc hạt nhân trên thế giới.

Sau khi tuyên bố của người đứng đầu Iran được đưa ra, nhiều nước trên thế giới đã lên án chương trình hạt nhân của nước này. Ngoại trưởng Mỹ, bà Condoleezza Rice, nói rằng đã đến lúc HĐBA phải có các biện pháp mạnh đối với Iran. Ngoại trưởng Anh, ông Jack Straw, nói rằng ông quan tâm trước động thái này của Iran. Nga và Trung Quốc, vốn ủng hộ giải pháp ngoại giao với Iran, nay cũng lên tiếng phê phán.

Kết quả là, tháng 12/2006 một nghị quyết trừng phạt hạn chế Iran đã được HĐBA thông qua. Ngày 25/3/2007, sau nhiều nỗ lực ngoại giao không thành, tất cả thành viên HĐBA Liên Hợp Quốc đã nhất trí phê chuẩn nghị quyết gồm những biện pháp cấm vận bổ sung Iran. Nghị quyết mới cấm Iran xuất khẩu vũ khí và phong tỏa thêm tài sản của các cá nhân và công ty liên quan đến chương trình hạt nhân và tên lửa của nước này. Thay mặt HĐBA, đại sứ Anh tại Liên Hợp Quốc Emyr Jones Parry tuyên bố: “Sự nhất trí thông qua của HĐBA đối với nghị quyết đã phản ánh mối lo ngại sâu sắc của cộng đồng quốc tế đối với các chương trình hạt nhân của Iran”. Ông nhấn mạnh: “Chúng tôi lấy làm tiếc vì Iran đã không tuân thủ các nghị quyết trước đây của HĐBA và Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế. Một lần nữa chúng tôi kêu gọi Iran hãy thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ quốc tế của mình”.

Bên cạnh những bước đi chính thức nhằm ngăn chặn chương trình hạt nhân của Iran, Mỹ vẫn để ngỏ một giải pháp riêng, đó là khả năng tấn công Iran nhằm tiêu diệt các cơ sở hạt nhân của nước này. Ngày 24/2/2007, Phó Tổng thống Mỹ Dick Cheney cảnh báo

rằng, Washington có “mọi sự lựa chọn” trong việc giải quyết với quốc gia Trung Đông này xung quanh chương trình hạt nhân, mặc dù Washington vẫn mong muốn việc này diễn ra trong hòa bình. “Sẽ là sai lầm nghiêm trọng nếu để một quốc gia như Iran trở thành cường quốc hạt nhân”, phó Tổng thống Mỹ khẳng định. Các quan chức Mỹ từ lâu đã tuyên bố không loại trừ bất kỳ biện pháp nào với Tehran, nhưng cũng nói rằng, tấn công quân sự chỉ là phương cách cuối cùng.

Trên thực tế, Mỹ đã điều tàu sân bay thứ hai đến vùng Vịnh và tăng cường triển khai hệ thống tên lửa đánh chặn Patriot trong khu vực. Kể từ khi ông Bush tuyên bố chiến lược mới về Iraq đầu tháng giêng năm 2007, các quan chức Iran đã nhiều lần cảnh báo dân chúng rằng Mỹ đang có ý định tấn công Iran. Tổng thống nước này Mahmoud Ahmadinejad tuyên bố Iran “sẵn sàng cho bất kỳ tình huống nào”, thể hiện lập trường đối đầu với Mỹ. Biên tập viên cao cấp của tờ nhật báo *Kayhan* (Iran) cảnh báo rằng Iran sẽ biến Trung Đông thành “địa ngục” nếu Mỹ và Israel mở cuộc tấn công.

Cuộc đối đầu giữa Mỹ và Iran càng trở nên căng thẳng trong những ngày gần đây khi Iran bắt giữ 15 thủy thủ Anh (23/3/2007) với cáo buộc xâm phạm lãnh hải, trong khi phía Anh và Mỹ khẳng định quân nhân Anh chỉ hoạt động trên lãnh hải Iraq theo yêu cầu của Liên Hợp Quốc.

Ngay sau sự kiện đó 4 ngày (27/3/2007) Mỹ đã tiến hành diễn tập tại vùng vịnh Persian. Tàu sân bay Stennis đến vịnh Persian mang theo 6.500 thủy quân lục chiến. Trên tàu có một phi đội máy bay chiến đấu-dội bom F/A-18 và một phi đội Super Hornet, máy bay chiến tranh điện tử EA-6B Prowler, máy bay tiếp liệu S-3 Viking, phi cơ chống tàu ngầm, máy bay chỉ huy điều khiển trên không E-2C Hawkeye. Đây là lần đầu tiên Mỹ triển khai tới hai tàu sân bay ở Vịnh, kể từ sau chiến dịch tấn công Iraq. Yểm trợ cho hai tàu sân bay nói trên, Mỹ còn đưa tới vịnh Persian 6 tàu khu trục có trang bị tên lửa dẫn đường, các tàu thủy phi cơ, tàu rà mìn. Trong cuộc tập trận nói trên, các tàu chiến Mỹ ở ngoài hải phận Iran, cách bờ biển nước này 12 hải lý.

Ngày 30/3/2007 Hãng tin RIA Novosti đã đưa tin rằng, giới tình báo Nga dự đoán quân đội Mỹ đã chuẩn bị gần như đầy đủ cho

một chiến dịch quân sự chống Iran, và có thể mở cuộc tấn công bằng tên lửa vào đầu tháng tư. Hãng này trích lời một quan chức an ninh không nêu tên nói rằng, Mỹ đã lên xong danh sách các mục tiêu trên lãnh thổ Iran, và luyện tập phương án tấn công trong những cuộc tập trận gần đây ở vùng Vịnh với kế hoạch tấn công từ trên không nhằm phá hủy cơ sở hạ tầng quân sự của Iran và có thể tiến hành cả các chiến dịch trên bộ, sau khi oanh tạc bằng tên lửa.

Các số liệu chính thức hiện nay cho thấy: Mức độ hiện diện quân sự của Mỹ ở vùng Vịnh hiện ngang bằng với trước tháng 3/2003, khi Mỹ phát động chiến tranh Iraq (7).

2. Khủng hoảng hạt nhân tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên

Vào tháng 10 năm 2002, sau chuyến công du tới Bình Nhưỡng, Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ James Kelly bày tỏ nghi ngờ rằng, Cộng hòa dân chủ nhân dân (CHDCND) Triều Tiên vẫn tiếp tục theo đuổi chương trình năng lượng hạt nhân và chế tạo tên lửa. Ông Kelly khẳng định rằng, có bằng chứng về việc quốc gia này bí mật tiến hành một chương trình làm giàu uranium, vi phạm hiệp ước năm 1994 với Mỹ. Theo hiệp ước này, CHDCND Triều Tiên đồng ý từ bỏ tham vọng hạt nhân để đổi lại việc Mỹ xây dựng hai lò phản ứng nước nhẹ và viện trợ dầu mỏ. Ban đầu, CHDCND Triều Tiên tỏ ra nhượng bộ. Chủ tịch Kim Chông-In cho hay ông sẵn sàng cho phép thanh sát viên quốc tế vào các cơ sở hạt nhân để chứng thực chúng không còn hoạt động. Tuy nhiên, sau đó, CHDCND Triều Tiên lại khẳng định họ có quyền phát triển vũ khí hạt nhân và quyết liệt bảo vệ quyền đó. CHDCND Triều Tiên cũng buộc tội Mỹ không giữ đúng các thoả thuận trong hiệp ước năm 1994, cho hay tiến độ xây dựng hai lò phản ứng nước nhẹ đã chậm hơn thời gian đề ra.

Đầu tháng 12 năm 2002, CHDCND Triều Tiên đã không chấp thuận thanh sát cơ sở hạt nhân và dọa sẽ tái vận hành các cơ sở hạt nhân để sản xuất điện, với lý do Mỹ chấm dứt viện trợ dầu mỏ và họ không còn sự lựa chọn nào khác.

Bước sang năm 2003, nước láng giềng CHDCND Triều Tiên là Hàn Quốc, vì lo ngại hiểm họa hạt nhân liên kề, đã đề nghị

Trung Quốc dùng ảnh hưởng với CHDCND Triều Tiên để tìm cách giảm căng thẳng về vấn đề hạt nhân. Đề nghị này cũng được phía Nga đồng thuận.

Phản ứng trước phán quyết của IAEA và trước sức ép của HĐBA Liên Hợp Quốc, ngày 25/1/2003, CHDCND Triều Tiên đã thông báo rút khỏi Hiệp ước Cấm phổ biến vũ khí hạt nhân. Tình hình lập tức căng thẳng sau khi tuyên bố này đưa ra. Chỉ đến tháng 8/2003 tình hình căng thẳng mới được làm dịu sau khi CHDCND Triều Tiên đồng ý đàm phán 6 bên về vấn đề hạt nhân của họ. Năm nước cùng tham gia đàm phán là Mỹ, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nga và Nhật Bản.

Từ 27-29/8/2003, đàm phán 6 bên diễn ra ở Bắc Kinh song không đạt được kết quả nào. Các đoàn đại biểu nhất trí sẽ tổ chức một vòng đàm phán khác. Ngày 9/12/2003, CHDCND Triều Tiên đề nghị sẽ đóng băng chương trình hạt nhân để đổi lại một danh sách các nhượng bộ từ Mỹ. Bình Nhưỡng dọa trừ khi Washington đồng ý, nếu không, họ sẽ không tham gia bất cứ cuộc đàm phán nào nữa. Mỹ đã bác bỏ các đề xuất đó.

Bước sang năm 2004 các vòng đàm phán 6 bên đều không đạt được những tiến bộ đáng kể. Trong thời gian diễn ra các cuộc đàm phán, CHDCND Triều Tiên vẫn tiếp tục chương trình hạt nhân của mình. Ngày 28/9/2004, CHDCND Triều Tiên tuyên bố họ đã chuyển hoá plutonium từ 8.000 thanh nhiên liệu đã qua sử dụng. Thứ trưởng Ngoại giao CHDCND Triều Tiên Choe Su-hon phát biểu trước Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc rằng, những vũ khí đó cần thiết để bảo vệ họ chống lại “mối đe dọa từ Mỹ”.

Xu hướng tích cực phát triển vũ khí hạt nhân “nhằm mục đích tự vệ” của CHDCND Triều Tiên ngày càng bộc lộ rõ rệt trong năm 2005. Tuy nhiên, áp lực của cấm vận quốc tế đã khiến CHDCND Triều Tiên lâm vào cảnh thiếu hụt năng lượng và lương thực trầm trọng. Kết quả là ngày 19/9/2005 CHDCND Triều Tiên đã đồng ý chấm dứt các hoạt động hạt nhân và tái tham gia Hiệp ước Cấm phổ biến vũ khí hạt nhân sau khi đã nhận được sự khẳng định từ phía Mỹ rằng sẽ không tấn công quân sự quốc gia này.

Tuy nhiên các cuộc đàm phán vẫn gặp bế tắc trong năm 2006 vì các bên (Mỹ và CHDCND Triều Tiên) vẫn không chấp nhận những yêu sách của nhau, và cả hai bên đều không muốn nhượng bộ. Trong thời gian đàm phán bị ngưng trệ và đi vào ngõ cụt, CHDCND Triều Tiên đã liên tiếp bắn thử tên lửa (tháng 7 năm 2006) để gây chú ý của công luận quốc tế và tạo sức ép thương lượng với Mỹ một cách gián tiếp thông qua phản ứng của Hàn Quốc và Nhật Bản. Tuy nhiên kết quả đã không diễn ra đúng như CHDCND Triều Tiên dự kiến: Ngày 7/7, Hàn Quốc cắt viện trợ cho CHDCND Triều Tiên để phản đối các vụ thử tên lửa; ngày 15/7, HĐBA Liên Hợp Quốc bỏ phiếu nhất trí áp đặt cấm vận đối với Bình Nhưỡng vì vụ thử tên lửa và yêu cầu quốc gia Bắc Á phải chấm dứt chương trình tên lửa đạn đạo; đồng thời cấm các nước thành viên buôn bán các mặt hàng có liên quan đến tên lửa với quốc gia này.

Ngày 9/10/2006: CHDCND Triều Tiên tuyên bố đã tiến hành vụ thử vũ khí hạt nhân đầu tiên. Họ coi đây là một “sự kiện lịch sử” và nói rằng, vụ thử đã diễn ra an toàn và thành công. Giám đốc cơ quan tình báo Mỹ John Negroponte cũng xác nhận rằng, việc phân tích những mẫu không khí do máy bay thu thập được đã khẳng định về vụ nổ thử nghiệm hạt nhân của CHDCND Triều Tiên.

HĐBA bày tỏ “sự lo ngại sâu sắc” về vụ thử hạt nhân mà CHDCND Triều Tiên vừa tuyên bố. Trong khi đó, thái độ của Washington là rất quyết liệt. Mỹ đòi HĐBA phải nhóm họp khẩn cấp và phải bày tỏ phản ứng rõ ràng đối với động thái mới nhất của Bình Nhưỡng. Mỹ đề xuất với HĐBA quyền giám sát hoạt động vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu, đóng cửa không phận và các cảng biển đối với tàu bè và máy bay của CHDCND Triều Tiên, đồng thời đóng băng mọi tài khoản liên quan đến các chương trình vũ khí.

Đối với Nhật Bản, nỗi khiếp đảm về sức hủy diệt của vũ khí hạt nhân dường như vẫn còn đó vì đất nước này đã từng gánh chịu hai quả bom nguyên tử của Mỹ cuối Thế chiến II. Trong quá khứ, Tokyo đã từng cân nhắc đến khả năng sở hữu vũ khí hạt nhân (vào năm 1995) nhằm đối phó với CHDCND Triều Tiên. Nhưng Chính phủ khi đó đã gạt bỏ ý kiến đó, bởi nó có thể khiến Nhật Bản không còn được sự đảm bảo về quân sự từ Mỹ, cũng như có thể gây căng

thắng trong quan hệ với các láng giềng. Nhưng giờ đây trước áp lực hạt nhân của CHDCND Triều Tiên, nếu như phương án này được Nhật chấp nhận thì cả Trung Quốc lẫn Hàn Quốc khó có thể ngồi yên, và do đó, có thể dẫn đến cuộc chạy đua hạt nhân trong khu vực. Trước khả năng trên, Mỹ lo ngại rằng, Nhật Bản, Hàn Quốc và có thể cả vùng lãnh thổ Đài Loan cũng muốn phát triển vũ khí hạt nhân để đối trọng với CHDCND Triều Tiên. Những động thái như vậy nếu xảy ra sẽ khiến Trung Quốc bất bình và gây thêm căng thẳng ở châu Á.

Đến cả Trung Quốc, nước vốn bảo trợ cho CHDCND Triều Tiên cũng đã đồng tình với thái độ Nhật Bản trước vụ thử hạt nhân của Bình Nhưỡng. Lãnh đạo Trung Quốc và Nhật Bản đã nhất trí tuyên bố: “Nhật và Trung Quốc cùng chia sẻ quan điểm rằng việc CHDCND Triều Tiên thử hạt nhân là không thể chấp nhận được”.

Trước những phản ứng dữ dội của cộng đồng quốc tế, ngày 14/10/2006, HĐBA Liên Hợp Quốc đã nhất trí thông qua bản nghị quyết gồm các điều khoản cấm vận Bắc Triều Tiên. Tuy nhiên, sự chia rẽ giữa các nước trong khu vực trong vấn đề này rất rõ ràng. Trung Quốc, dù đã bỏ phiếu thông qua nghị quyết về trừng phạt CHDCND Triều Tiên, vẫn phản đối việc thanh kiểm tra toàn bộ hàng hóa ra vào nước láng giềng. Đại sứ Mỹ tại Liên Hợp Quốc John Bolton cho rằng, nếu Trung Quốc không hậu thuẫn cho CHDCND Triều Tiên nữa, đó sẽ là “sức mạnh thuyết phục mạnh mẽ đối với Bình Nhưỡng”.

Với lệnh cấm vận được thắt chặt như trên, ngày 5/2/2007, Bình Nhưỡng đã buộc phải nhượng bộ. Tuyên bố được đưa ra là: CHDCND Triều Tiên sẵn sàng đóng băng các cơ sở hạt nhân và từ bỏ chương trình này ngay lập tức nếu được đổi lấy sự trợ giúp về năng lượng. Tuy nhiên, CHDCND Triều Tiên sẽ chỉ bắt đầu hành động khi được cam kết cung cấp lò phản ứng nước nhẹ và họ cũng yêu cầu được cung cấp đủ năng lượng thay thế cho tới khi những lò phản ứng này hoàn thành.

Với tín hiệu đó, các cuộc đàm phán đa phương với sự góp mặt của Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Nga và CHDCND Triều Tiên sẽ được nối lại tại Bắc Kinh vào ngày 8/2/2007.

Tại cuộc đàm phán Bắc Kinh, các bên muốn khôi phục lại thỏa thuận tháng 9/2005, theo đó, Bình Nhưỡng chấp nhận chấm dứt chương trình hạt nhân để đổi lại viện trợ và đảm bảo an ninh. Mỹ tuyên bố sẵn sàng thảo luận về yêu cầu của CHDCND Triều Tiên về dỡ bỏ lệnh trừng phạt kinh tế. Lần này, đại diện sáu bên tham gia đàm phán về vấn đề hạt nhân CHDCND Triều Tiên đã có được một thỏa thuận sơ bộ. Bình Nhưỡng đồng ý thực hiện bước đi đầu tiên tiến tới việc giải trừ hạt nhân tại nước này với cam kết đóng cửa một lò phản ứng để được viện trợ nhiên liệu. Mỹ và Nhật Bản cũng khẳng định sẽ đàm phán với CHDCND Triều Tiên về vấn đề bình thường hóa quan hệ. Theo thỏa thuận đạt được do trưởng đoàn Trung Quốc Vũ Đại Vĩ công bố, Bình Nhưỡng sẽ đóng cửa lò phản ứng chính tại Yongbyon trong vòng 60 ngày để đổi lại được viện trợ 50.000 tấn nhiên liệu hoặc nhận trợ cấp về kinh tế có giá trị tương đương.

Ngày 19/3/2007, cuộc đàm phán đa phương về chương trình hạt nhân của CHDCND Triều Tiên được nối lại tại Bắc Kinh. Lần này trưởng đoàn đàm phán của Bình Nhưỡng Kim Kye-gwan đã mang tới Bắc Kinh thông điệp rằng, nước này sẽ không thực hiện cam kết trên nếu không được nhận lại 25 triệu USD đang bị đóng băng trong ngân hàng Banco Delta Asia ở Macao. Mỹ đã phong tỏa số tiền này vì nghi ngờ có liên quan đến hoạt động rửa tiền, điều mà Bình Nhưỡng cực lực bác bỏ. CHDCND Triều Tiên cũng lên án cuộc tập trận chung Mỹ-Hàn dự kiến diễn ra cuối tháng 3 này. Bình Nhưỡng cho rằng, động thái nói trên “đầu độc bầu không khí của các cuộc đàm phán”. Nhật báo *Rodong Sinmun* của Bình Nhưỡng tuyên bố, họ đang sẵn sàng “cho cả chiến tranh và thương thuyết”.

Ngày 22/3/2007, phái viên CHDCND Triều Tiên đã rời khỏi Bắc Kinh sau khi đàm phán 6 bên bế tắc suốt 4 ngày xung quanh khoản tiền của Bình Nhưỡng mà Washington phong tỏa tại Macao.

Bốn ngày sau đó (26/3), Mỹ thông báo rằng số tiền 25 triệu USD sẽ được chuyển từ Banco Delta Asia sang một ngân hàng ở Trung Quốc, vì Washington đã hoàn tất cuộc điều tra những lời cáo buộc rửa tiền. Trung Quốc hứa giải quyết vấn đề này nhanh chóng để tiền có thể chuyển vào một tài khoản của CHDCND Triều Tiên

tại một ngân hàng Bắc Kinh. Quan điểm của Bình Nhưỡng là muốn nhận được tiền trước khi tiếp tục thảo luận về các bước tiếp theo trong kế hoạch chấm dứt chương trình hạt nhân (7).

3. Tình hình Iraq

Ngày 15/12/2005, người dân trên khắp đất nước Iraq đã bỏ phiếu để chọn ra Quốc hội chính thức đầu tiên kể từ khi Mỹ phát động chiến tranh năm 2003. Ủy ban bầu cử Iraq cho biết, có 6.655 ứng viên, 307 đảng phái và 19 liên minh đăng ký tranh cử. Để chuẩn bị cho sự kiện này và đề phòng trước mối đe dọa phá hoại của lực lượng nổi dậy, các phương tiện giao thông cá nhân bị cấm đi lại trên đường phố ở Iraq. Lệnh giới nghiêm vào ban đêm cũng được ban bố tại Iraq từ vài ngày trước bầu cử. Đường biên giới của nước này cũng tạm đóng cửa trong vài ngày.

Tại Baghdad, khu vực bầu cử lớn nhất Iraq, có 2.161 ứng viên chạy đua vào 59 ghế của quốc hội mới gồm 275 thành viên. Theo kết quả kiểm 89% số phiếu, Mặt trận Hoà hợp Iraq (IAF) là liên minh của 3 đảng chính trong cộng đồng người Sunni về thứ hai tại đây với 18,6% phiếu ủng hộ. Trong khi đó, Liên minh Iraq thống nhất (UIA) của người Shiite dẫn đầu với 58%. Đảng Thế tục của cựu Thủ tướng Iyad Allawi về thứ ba.

Liên minh Iraq thống nhất của người Shiite cũng dẫn đầu tại khu vực bầu cử Basra và 8 tỉnh khác ở miền Nam. Còn liên minh chính trị của người Kurd dẫn đầu tại 4 tỉnh miền Bắc Iraq, trong đó có tỉnh Tamim nhiều đầu mỏ.

Mặt trận Hoà hợp Iraq chỉ về đầu tại 4 tỉnh còn lại có đông người Hồi giáo theo sắc tộc Sunni sinh sống. Trong số đó họ giành được 73% số phiếu ở tỉnh Anbar, 36% ở tỉnh Nineveh, 33% ở tỉnh Salahuddin và 36% ở tỉnh Diyala.

Theo các nhà phân tích, kết quả bước đầu tại khu vực bầu cử Baghdad là tin xấu đối với cả đảng của cựu Thủ tướng Iyad Allawi và Mặt trận Hoà hợp Iraq, hai nhóm đang muốn gia tăng đại diện của người Sunni trong Quốc hội, vốn đang nằm dưới sự chi phối của các đảng thuộc cộng đồng người Shiite và Kurd. Chính vì vậy, Mặt trận Hoà hợp Iraq cho rằng, cuộc bầu cử ở Baghdad có gian lận và yêu cầu Ủy ban bầu cử Iraq phải tổ chức bỏ phiếu lại.

Nhưng khó khăn của nền chính trị Iraq vẫn chưa dừng lại ở đó. Bản thân Liên minh Iraq thống nhất của người Hồi giáo Shiite-đảng thắng cử và được quyền đứng ra thành lập Chính phủ cũng đang gặp phải tình trạng chia rẽ nội bộ. Sau nhiều tuần tranh cãi gay gắt, Liên minh Iraq thống nhất - hiện chiếm nhiều ghế nhất trong Quốc hội - đã quyết định chọn đương kim Thủ tướng Ibrahim Al-Jaafari đảm nhận vị trí đứng đầu trong Chính phủ mới. Trọng trách của ông này là phải thành lập được một chính phủ đoàn kết dân tộc, tức là được lòng tất cả các phe phái của người Hồi giáo Shiite, người Kurds và người Sunni. Tuy nhiên điều này thật không dễ dàng trong tình hình bạo loạn sắc tộc như hiện nay.

Theo nhận định của giới phân tích, ông Jaafari cần tạo ra một chính phủ gồm nhiều nhà kỹ trị và trao cho họ nắm giữ những vị trí chủ chốt như Bộ Nội vụ; và chính phủ mới cũng cần có nhiều thành viên là người thế tục để không sản sinh ra những chương trình nghị sự mang tính bè phái. Quyền kiểm soát Bộ Nội vụ có thể sẽ là một trong những cuộc đấu tranh khó khăn nhất khi Jaafari thành lập chính phủ được bầu lên đầu tiên của Iraq kể từ khi chế độ của Saddam Hussein sụp đổ năm 2003. Bộ này hiện đang nằm dưới sự kiểm soát của SCIRI, đảng thân Iran có quan hệ với Lữ đoàn Badr - lực lượng mà người Sunni cáo buộc là đã thành lập những "biệt đội tử thần" bắt cóc và hành quyết người Sunni.

Bởi vậy, một chính phủ trung ương mạnh là cái mà vị tân Thủ tướng Jaafari cần có để ổn định đất nước. Nhưng điều đó khó có thể trở thành hiện thực trên cơ sở của bản hiến pháp hiện nay khi bản hiến pháp này cho các địa phương được hưởng quy chế bán tự trị và có thể dẫn đến tình trạng bất bình đẳng giữa các sắc tộc. Không phải ngẫu nhiên mà cuộc tranh cãi về bản hiến pháp đã gây ra hàng loạt vụ tàn sát huynh đệ tương tàn trong thời gian gần đây tại Iraq. Người thiểu số Sunni muốn sửa đổi những điều khoản liên quan đến quy chế liên bang vì họ lo sợ rằng chúng mang đến cho người Shiite và người Kurd quá nhiều quyền lực và đặc quyền kiểm soát nguồn tài nguyên dầu mỏ của đất nước.

Những bất đồng trong việc chia sẻ quyền lực sau bầu cử đã nhấn Iraq vào làn sóng bạo lực và xung đột sắc tộc đẫm máu. Các vụ tấn công và trả thù qua lại giữa người Sunni và người Shiite ngày một tăng và cướp đi sinh mạng của hàng nghìn người. Iraq đang đứng trước nguy cơ nội chiến.

Các chính trị gia người Sunni đã phải tạm ngừng các cuộc đàm phán về việc tham gia chính phủ nhằm phản đối các cuộc tấn công trả đũa vào nhiều thánh đường của họ. Hàng trăm thánh đường của người Sunni đã trở thành mục tiêu đốt phá và nhiều thánh đường đã bị đốt trụi. Hiệp hội giáo chủ Hồi giáo Sunni đã cáo buộc giáo chủ cao cấp nhất của người Hồi giáo Shiite - Đại Giáo chủ Ayatollah Ali Al-Sistani là đã kích động bạo lực. Tareq al-Hashimi, một quan chức cấp cao của người Sunni, đã yêu cầu các nhà lãnh đạo người Shiite đưa ra lời xin lỗi trước khi giới lãnh đạo người Sunni nối lại các cuộc thương lượng về việc thành lập chính phủ mới.

Trong bối cảnh bạo lực không có dấu hiệu thuyên giảm, các nhà lãnh đạo Iraq đã cảnh báo về nguy cơ xảy ra một cuộc nội chiến. Tổng thống Jalal Talabani đã tuyên bố trên truyền hình rằng nếu nội chiến nổ ra thì “sẽ chẳng có ai được an toàn”.

Với kết quả “hậu bầu cử” như vậy, toan tính rút dần quân đội của Mỹ khỏi Iraq của Tổng thống Mỹ George W Bush sau khi đất nước này có được một chính phủ có khả năng tự điều hành đất nước – khó có thể trở thành hiện thực và buộc phải chuyển sang một hướng mới.

Ông Bush thừa nhận tình hình ở Iraq hiện nay vẫn “căng thẳng”, nhưng tuyên bố “có những dấu hiệu về một tương lai đầy hy vọng”. Bush thông báo chiến lược của Mỹ ở Iraq có 3 yếu tố: chính trị, kinh tế và an ninh. Tập trung vào an ninh, ông nêu rõ phương cách lực lượng Mỹ sẽ phối hợp với phía Iraq để tạo dựng hàng ngũ cảnh sát và quân đội hùng mạnh. Ngoài việc huấn luyện cho lực lượng Iraq, họ cũng giúp loại bỏ những nhân vật ủng hộ chiến binh và khuyến khích sự đa dạng sắc tộc. Mục tiêu là để người Iraq kiểm soát nhiều lãnh thổ hơn liên quân trước khi năm 2006 kết thúc. Nhờ vậy lực lượng Mỹ và liên quân sẽ có thêm thời gian để truy quét chiến binh. Ông khẳng định: “Khi người Iraq bước lên, Mỹ và liên quân sẽ bước xuống”. Tuy nhiên ông cũng phản đối cái quan niệm cho rằng thời điểm chuyển giao ấy phải diễn ra theo “một khung thời gian biểu cứng nhắc”.

Trong chiến lược ổn định “an ninh Iraq hậu bầu cử”, ông Bush cũng tính đến việc ngăn chặn các nguồn hậu thuẫn cho xung đột sắc tộc đến từ các nước láng giềng mà đặc biệt là Iran.

Với tư cách là một bước đi cụ thể trong việc thực thi chiến lược nói trên, tháng 3 năm 2006, quân đội Mỹ đã tiến hành chiến dịch quân sự trên không lớn nhất ở Iraq kể từ cuộc chiến năm 2003, nhằm vào quân nổi dậy gần thành phố Samara.

Tuy nhiên, sự đổi hướng chiến lược nói trên đã gây ra phản ứng trong lòng nước Mỹ, nhất là trong điều kiện đảng Dân Chủ đã chiếm lại được đa số ghế trong cả hai Viện vào tháng 11/2006.

Ngày 27/1/2007 hàng chục nghìn người Mỹ đã tuần hành ở Washington đòi quân đội rút khỏi Iraq. Hoạt động này diễn ra chỉ vài ngày trước khi Nghị viện mở cuộc thảo luận về chiến lược chiến tranh mới của Tổng thống Bush, trong đó có việc điều thêm quân. Dân chúng muốn gây áp lực với cơ quan lập pháp do đảng Dân chủ kiểm soát hiện nay để thuyết phục các nghị sĩ không ủng hộ chiến lược mới mà Tổng thống Bush đưa ra.

Tuy hầu hết các nghị sĩ Dân chủ và ngày càng nhiều nghị sĩ Cộng hòa phản đối kế hoạch của tổng thống, nhưng các nhà lập pháp vẫn chưa đồng ý được với nhau về một nghị quyết (không có hiệu lực bắt buộc) thể hiện sự phản đối này. Trong khi đó, ông Bush vẫn tái khẳng định cam kết tăng cường quân nhân Mỹ tới Iraq, đồng thời phản đối về “một thời gian biểu cứng nhắc” cho việc rút quân đội Mỹ khỏi Iraq (9).

4. Chiến tranh trên lãnh thổ Lebanon

Ngày 25/6/2006, các chiến binh Palestine tấn công một khu đồn của quân đội nước này gần dải Gaza, bắn chết hai binh lính Do Thái và bắt đi Gilad Shalit- một quân nhân trẻ. Quân đội Israel được đặt trong tình trạng sẵn sàng tiến hành hoạt động giải cứu; các xe tăng và xe bọc thép Israel đã tập trung sát biên giới Gaza.

Thủ tướng Israel Ehud Olmert tuyên bố không quan tâm tới tối hậu thư của các chiến binh đang giam giữ binh sĩ Gilad Shalit, đồng thời ngầm cảnh báo Syria rằng quân đội Do Thái sẽ tấn công “những kẻ hậu thuẫn” chiến binh Palestine. Israel luôn cho rằng, Syria và nhà lãnh đạo Khaled Mashaal của Hamas- hiện đang sống lưu vong tại Syria - phải chịu trách nhiệm về vụ tấn công vào khu đồn của quân đội Do Thái vào ngày 25/6. Giới chức Israel cũng nói bóng gió rằng Khaled Mashaal đang là mục tiêu ám sát của họ.

Ngày 28/6/2006, quân đội Israel tấn công dải Gaza và tiến sâu vào phía bắc của vùng đất này. Chiến sự chủ yếu xảy ra ở các thành phố Beit Lahiya, Abassan, Khan Younis. Chiến dịch quân sự của Israel tại Gaza - có quy mô lớn nhất kể từ khi người định cư và quân đội Do Thái rời khỏi khu vực này vào mùa hè năm ngoái. Chiến dịch bắt đầu từ phía nam và đang được mở rộng lên phía bắc.

Nhưng đến ngày 12/7/2006 cuộc chiến bị rẽ ngoặt sang hướng khác bởi các chiến binh Hezbollah đến từ Lebanon đã tham chiến bằng cách bắt cóc hai binh sĩ Do Thái trong cuộc đột kích một doanh trại của quân Israel trên lãnh thổ Palestine. Thủ tướng Israel Ehud Olmert tuyên bố “Chính phủ Lebanon, trong đó có Hezbollah, đang tìm cách phá hoại sự ổn định trong khu vực. Sự việc sáng nay không phải là một cuộc tấn công khủng bố, mà là hành động vi phạm chủ quyền của Israel vì họ đã tấn công binh lính của chúng tôi một cách vô cớ. Israel sẽ phản ứng quyết liệt để những kẻ chịu trách nhiệm về vụ tấn công phải trả một cái giá đắt và đau đớn”. Ông này còn khẳng định rằng, Lebanon phải chịu trách nhiệm về số phận của hai binh lính của họ và tuyên bố việc làm của Beirut là “hành động chiến tranh”. Nhưng Thủ tướng Lebanon Fuad Siniora bác bỏ lời cáo buộc này và tuyên bố Chính phủ của ông không hay biết gì về hoạt động của Hezbollah.

Ngay sau đó, Israel đã phát động một cuộc tấn công từ trên không, trên bộ và trên biển vào miền nam Lebanon để truy kích những chiến binh Hezbollah bắt giữ hai binh lính của họ. Đây là chiến dịch lớn nhất của Israel trong lãnh thổ Lebanon kể từ năm 2000, với sự tham gia của máy bay chiến đấu, xe tăng và pháo hạm. Israel tiếp tục tấn công sân bay ở thủ đô Lebanon, phóng rocket xuống đường bay của sân bay quốc tế Beirut, khiến sân bay đóng cửa và các chuyến bay đến đây phải đổi hướng.

Trước sức tấn công ồ ạt của quân đội Do Thái, Chính phủ Lebanon đã kêu gọi HĐBA thông qua một nghị quyết yêu cầu Israel ngừng các cuộc tấn công trên lãnh thổ của họ và ký kết một thỏa thuận ngừng bắn. Phản ứng lại yêu cầu trên, trong một lá thư gửi tới HĐBA và Tổng thư ký Kofi Annan, Israel cho rằng, họ được hưởng quyền tự vệ “khi xảy ra một cuộc tấn công vũ trang nhằm vào một thành viên của Liên Hợp Quốc”, đồng thời cáo buộc Lebanon hậu thuẫn cho Hezbollah bắt hai binh lính Do Thái.

Còn Phó thủ tướng Israel Shimon Peres thì nhận định rằng, HĐBA sẽ chẳng làm được gì nhiều để tháo gỡ tình hình trong bối cảnh, vì Beirut mới là nước phớt lờ các yêu cầu của HĐBA khi không chịu giải giáp vũ khí của lực lượng du kích Hezbollah. Trên thực tế, HĐBA đã từng thông qua nhiều lần nghị quyết yêu cầu Lebanon giải giáp vũ khí của các phân tử vũ trang hoạt động trên lãnh thổ của họ, đồng thời lấy lại quyền kiểm soát đối với những khu vực nằm trong tay Hezbollah ở miền nam nước này, song Lebanon vẫn không thực hiện.

Tại Israel, Thủ tướng Ehud Olmert ra lệnh cho quân đội tiếp tục tiến hành những cuộc tấn công có quy mô lớn hơn sau khi phong toả các cảng biển, bắn rocket vào sân bay quốc tế tại Beirut, dội bom tuyến đường cao tốc nối liền Lebanon với Syria; không kích hai căn cứ không quân; mở rộng phạm vi của chiến dịch quân sự tại Gaza; và đánh bom trụ sở Bộ Ngoại giao Palestine.

Cuộc chiến trên đất Lebanon đã đi đến hồi khốc liệt với những đòn giáng trả từ hai phía khiến thường dân Lebanon phải gánh chịu những tổn thất lớn. Trước tình hình đó, ngày 17/7/2006 Liên Hợp Quốc đã kêu gọi đưa lực lượng quốc tế tới Lebanon để ngăn chặn các vụ tấn công đáp trả nhằm vào lãnh thổ Israel với hy vọng rằng, điều này sẽ khiến Israel không còn lý do để tiếp tục những vụ tấn công nhằm vào du kích Hezbollah.

Trong 6 ngày Israel bắn phá liên tục vào Lebanon vừa qua đã có hơn 200 người dân nước này thiệt mạng. Phía lực lượng Hezbollah cũng nã hàng trăm quả rocket vào lãnh thổ Israel, như thành phố Haifa, sát hại khoảng 12 người. Do các cuộc không kích của Israel chưa có dấu hiệu ngừng lại, rất đông người Lebanon sống ở miền nam đã rời bỏ nhà cửa đi sơ tán. Trên các tuyến đường tại đây đông nghẹt dòng xe chở những người dân đi di tản.

Mục tiêu ban đầu của chiến dịch quân sự chỉ là giải cứu hai binh sĩ Do Thái bị Hezbollah bắt ngày 12/7, nhưng giờ đây đã được Israel mở rộng thành mục tiêu giải giáp nhóm Hồi giáo vũ trang này - điều mà Liên Hợp Quốc trước đó đã yêu cầu Lebanon nhưng nước này đã không thực hiện. Thái độ của Mỹ là ủng hộ chiến dịch quân sự của Israel nhằm vào Hezbollah nhưng phải giữ nguyên trạng Chính quyền Lebanon. Trong khi đó, Liên minh châu Âu không tán đồng quan điểm đó. EU lo ngại rằng, số dân thường thiệt mạng ngày

càng cao sẽ khiến Hezbollah được lợi và làm suy yếu chính phủ dân bầu của Lebanon. Bởi vậy, EU kêu gọi các bên ngừng bắn, tiến hành các nỗ lực ngoại giao nhằm chấm dứt khủng hoảng; đồng thời yêu cầu nhóm Hezbollah phải thả binh sĩ Israel ngay lập tức.

Bày tỏ quan điểm của mình, Israel cho biết, chiến dịch của họ là để đánh một đòn quyết định không chỉ nhằm vào Hezbollah mà còn vào lực lượng Hồi giáo cực đoan trong khu vực, do đó khó có thể dừng lại vào thời điểm này. Với mục tiêu nói trên, cuộc chiến trên đất Lebanon của Israel quả thực đã có những hiệu ứng nhất định. Giao tranh giữa Israel và Hezbollah đã làm bộc lộ những chia rẽ ở thế giới Ả-rập, không chỉ giữa người Shiite và người Sunni mà cả giữa các chính phủ và công dân của họ. Các nước đồng minh Ả-rập chính của Mỹ, vốn là những quốc gia có dân chúng đa số thuộc dòng Sunni như Arab Saudi, Jordan và Ai Cập lo ngại quyền lực gia tăng của dòng Shiite (Người Shiite chiếm khoảng 160 triệu trong 1,3 tỷ người theo đạo Hồi, khoảng 90% dân số Iran, hơn 60% dân số Iraq và 50% cộng đồng dân cư ở nhiều nơi rải từ Lebanon đến Ấn Độ). Bởi vậy, các nước này ngầm khuyến khích việc xóa bỏ Hezbollah (thuộc dòng Shiite). Nhưng nhiều thường dân thuộc cả hai dòng (Sunni cũng như Shiite) lại đứng về phía Hezbollah vì nhóm vũ trang này dám đương đầu với Israel. Về phần mình, các chính phủ cũng lo ngại chính dân chúng sẽ chống lại họ, nếu họ tỏ ra yếu ớt và bất lực trước các cuộc tấn công của Israel nhằm vào một nước Ả-rập khác.

Ngày 23/7/2006, Thủ tướng Israel Ehud Olmert phát biểu, nước này đang chuẩn bị cho việc chấp thuận sự triển khai của một lực lượng gìn giữ hòa bình thuộc châu Âu ở miền nam Lebanon. Ông Olmert công bố tin trên sau khi nội các của ông có các cuộc gặp với đặc phái viên đến từ Đức, Pháp và Anh. Quan điểm của nhà lãnh đạo Israel được đưa ra ngay trước thềm chuyến công du Trung Đông của Ngoại trưởng Mỹ Condoleezza Rice.

Thủ tướng Olmert nhấn mạnh, lực lượng quốc tế nói trên có thể thuộc NATO hoặc EU, nhưng phải bao gồm những binh sĩ có kinh nghiệm tham chiến. Đồng thời lực lượng này phải kiểm soát được các cửa khẩu giữa Syria và Lebanon và đủ sức hỗ trợ cho quân đội của Chính phủ Lebanon.

Ngày 29/7/2006 các chính trị gia Hezbollah đã chấp nhận đề xuất hòa bình của Thủ tướng Lebanon Fuad Siniora, trong đó có việc tăng cường lực lượng quốc tế ở nam Lebanon và giải giáp vũ khí nhóm Hezbollah. Bằng việc chấp nhận đề xuất hòa bình, Hezbollah đã giúp vị Thủ tướng thân phương Tây Fuad Siniora có thêm lợi thế trong các cuộc thương thuyết tương lai. Đây là lần đầu tiên Hezbollah chấp nhận một đề xuất bao gồm triển khai lực lượng quốc tế. Đề xuất này về cơ bản khác với yêu cầu của Mỹ và Israel ở điểm nó đòi hỏi ngừng bắn ngay lập tức, trước khi bàn đến những điều kiện khác.

Các quan chức châu Âu nhận xét rằng, đề xuất nói trên là cơ sở cho một thỏa thuận, và tăng sức ép lên Mỹ, kêu gọi ngừng bắn. Tuy nhiên Mỹ, Anh và Israel không nhất trí với kế hoạch đó khi cho rằng, chiến sự chỉ kết thúc khi mục tiêu giải giáp nhóm vũ trang Hezbollah đã đạt được.

Cho tới tận ngày 11/8/2006 HĐBA mới thông qua được bản dự thảo nghị quyết nhằm chấm dứt xung đột giữa Israel và Hezbollah, đồng thời ra lệnh triển khai 15.000 binh sĩ đa quốc gia để hỗ trợ quân đội Lebanon kiểm soát miền nam nước này. Thủ tướng Israel Ehud Olmert đã lên tiếng tán thành nghị quyết khi nhận xét rằng, thỏa thuận ngừng bắn sẽ đảm bảo rằng “Hezbollah sẽ không còn tiếp tục tồn tại như một nhà nước trong một nhà nước” ở Lebanon. Thủ tướng Lebanon Fuad Siniora cũng khẳng định với Ngoại trưởng Mỹ Condoleezza Rice rằng, Chính phủ của ông ủng hộ nội dung nghị quyết.

Trọng tâm của nghị quyết gồm hai điều khoản: yêu cầu Israel và Hezbollah ngừng các cuộc tấn công; vạch ra các bước để tiến tới một thỏa thuận ngừng bắn lâu dài. Nghị quyết yêu cầu thành lập một vùng đệm mới tại miền nam Lebanon, nơi “chỉ có binh lính, tài sản và vũ khí của Chính phủ Lebanon và lực lượng UNIFIL^(*)”. Lực lượng này hiện có 2.000 quân và sẽ được tăng lên 15.000 quân để phối hợp với 15.000 quân Lebanon. Khi quân đội Lebanon kiểm soát được miền nam, quân Israel sẽ rút đi.

Nghị quyết không yêu cầu Israel thả tù nhân người Lebanon hay rút quân ngay lập tức. Mặc dù nghị quyết nhấn mạnh rằng việc Hezbollah thả vô điều kiện hai binh sĩ Israel bị bắt vào ngày

(*) UNIFIL-viết tắt của lực lượng Liên Hợp Quốc được triển khai tại Lebanon từ năm 1978

12/7 là cần thiết, song HĐBA không đưa yêu cầu này vào danh sách các việc cần làm để kiến tạo một thoả thuận ngừng bắn lâu dài.

Các nhà ngoại giao thừa nhận rằng mỗi bên sẽ phải chấp nhận bỏ qua một số yêu cầu để bản dự thảo có thể được thông qua, nhưng khẳng định mục tiêu chủ yếu của họ là tạo ra một nghị quyết có thể mang đến một giải pháp chính trị lâu dài nhằm chấm dứt tình trạng thù địch giữa Israel và Hezbollah.

Tính đến thời điểm nghị quyết được thông qua, xung đột giữa Israel và Hezbollah đã kéo dài trên 4 tuần, khiến hơn 800 người thiệt mạng, phá huỷ cơ sở hạ tầng và gia tăng căng thẳng trong khu vực Trung Đông.

5. Vấn đề nhập cư

Hiện nay di dân quốc tế đã trở thành vấn đề hàng đầu trong các chương trình nghị sự về an ninh quốc tế, bởi những lý do cơ bản sau:

+ Khả năng lan toả của chủ nghĩa khủng bố quốc tế qua các dòng di cư;

+ Sự suy giảm phúc lợi công cộng của nước nhận di cư;

+ Sự suy giảm các giá trị dân chủ do phân biệt đối xử.

Có thể nói, 2006 là năm các nước phát triển bày tỏ thái độ của mình một cách rõ rệt nhất liên quan đến vấn đề nhập cư, thông qua hàng loạt chính sách của mình.

Tại Mỹ, Tổng thống Bush cho biết, ông sẽ xem xét lại chính sách hợp tác lao động nhằm cho phép người nhập cư vào Mỹ để làm những công việc mà dân Mỹ chê hoặc không làm. Quốc hội Mỹ cũng cân nhắc về dự luật cho phép người nhập cư bất hợp pháp được mang quốc tịch Mỹ nếu đã làm việc tại đây 6 năm, sau khi đã đóng phạt, học tiếng Anh... Theo đó, những nhân công nhập cư có thể đăng ký làm việc hợp pháp, và phải “chấp nhận vào khuôn khổ” nếu họ quyết định xin trở thành công dân Mỹ; những người nhập cư nào không đáp ứng được dự luật này sẽ bị trục xuất.

Bên cạnh việc hợp thức hóa “sự đã rồi”, Mỹ cũng đưa ra các biện pháp cứng rắn đối với Mexico, “nguồn cấp dân nhập cư chính của Mỹ” bằng việc xây dựng hàng rào dài hơn 1.100km dọc biên giới Mỹ nhằm ngăn chặn tình trạng tái diễn. Theo thống kê, có khoảng 11,5 triệu người đang sống bất hợp pháp tại Mỹ. Nhiều người trong số họ làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp và xây dựng và các ngành công nghiệp dịch vụ (10).

Công luận Mỹ đã phản đối hai dự luật nói trên với những thái độ hết sức khác nhau: có quan điểm cho rằng, dự luật như vậy là “quá lỏng” và gây tổn hại đến lợi ích của các công dân Mỹ; trong khi đó, quan điểm khác thì ngược lại. Kết quả là trong tháng 3/2006, nhiều cuộc biểu tình đã diễn ra trên khắp đất Mỹ. Tại thành phố Detroit (bang Michigan), cảnh sát ước tính có tới 50.000 người xuống đường biểu tình phản đối dự luật nhập cư mới. Tại thành phố lớn thứ hai của Mỹ là Los Angeles, hơn 21.000 học sinh, sinh viên (chủ yếu là người nói tiếng Tây Ban Nha) đã bãi khóa, xuống đường biểu tình đòi các thượng nghị sĩ Mỹ không thông qua dự luật này. Các cuộc biểu tình tương tự cũng diễn ra ở thành phố San Fransisco. Tổng thống Mỹ George W Bush đã phải lên tiếng kêu gọi công luận bình tĩnh trước một dự luật nhập cư mới đang gây tranh cãi và Chính phủ của ông đang nỗ lực tìm các bước đi mang tính thỏa hiệp.

Rốt cuộc, ngày 26/5/2006, Thượng viện Mỹ đã thông qua dự luật chính về vấn đề nhập cư. Qua đó hàng triệu người nhập cư bất hợp pháp vào nước Mỹ có cơ hội có quyền công dân và Mỹ sẽ mở rộng các chương trình hợp tác lao động. Vấn đề cải cách chính sách nhập cư của Mỹ là một quyết định thay đổi sâu rộng nhất trong vòng 2 thập kỷ qua. Dự luật đã nhận được 62 phiếu thuận và 36 phiếu chống, trong đó có một điều khoản về tăng cường an ninh ở khu vực biên giới.

Tuy dự luật này được Thượng viện và Tổng thống Mỹ rất ủng hộ, nhưng dự luật còn phải vượt qua một số điều khoản khác của Hạ viện đã phê chuẩn hồi năm ngoái. Được biết Hạ viện muốn những người nhập cư bất hợp pháp phải bị xử tội và nước Mỹ cần đưa ra những biện pháp khắt khe hơn. Dự luật cũng gặp sự phản đối từ rất nhiều thành viên trong 2 đảng Dân chủ và Cộng hòa. Các chuyên gia cho biết sẽ còn phải thương lượng rất nhiều trước khi tất cả các bên đạt được một thỏa thuận trước khi đưa Tổng thống Mỹ ký để có thể trở thành luật chính thức.

Khi biết kết quả của Nghị viện Mỹ về dự luật nhập cư, đã có 2 luồng dư luận hoàn toàn trái ngược nhau. 11,5 triệu người nhập cư bất hợp pháp tại Mỹ rất hồ hởi. Họ còn đòi hỏi phải được công nhận những đóng góp cho nền kinh tế của Mỹ. Còn những người chống dân nhập cư đã bắt đầu tuần tra dọc biên giới Mỹ và đe dọa những người nhập cư bất hợp pháp trên toàn nước Mỹ (11).

Các nước khác như Pháp và Australia thì đi theo đường lối cứng rắn hơn. Trong tháng 3/2006, Bộ trưởng nội vụ Pháp, ông Nicolas Sarkozy cho biết, Quốc hội Pháp sẽ thảo luận về luật nhập cư mới. Dự luật nhập cư mới sẽ rất khắt khe, qua đó Pháp sẽ chỉ chấp nhận những lao động có kỹ thuật và buộc những người này phải học và tôn trọng văn hóa cũng như ngôn ngữ của Pháp. Dự luật cũng sẽ không cho những người nhập cư lâu năm (trên 10 năm) được hưởng quyền công dân. Dự luật đã gặp phải sự phản đối từ nhiều phía. Tuy nhiên ông Sarkozy vẫn cho rằng, một đạo luật cứng rắn sẽ giúp mối quan hệ giữa các sắc tộc tại Pháp được cải thiện.

Cùng thời gian này, Bộ trưởng tài chính Australia cũng kêu gọi nước này hãy từ bỏ "chính sách đa văn hóa ủy mị", theo đó các người nhập cư hãy tôn trọng những giá trị của Australia để có thể cùng giúp đỡ nước này phát triển và cải thiện mối quan hệ của các dân tộc tại đây.

Cũng vào thời điểm đó, Chính phủ Anh đã thông báo thay đổi thủ tục nhập cư. Thủ tục này chỉ ưu tiên những người có tay nghề cao và giảm những trường hợp nhập cư theo bảo lãnh của người thân như trước đây. Nhiều nhà chức trách Anh cho rằng, chính sách đa văn hóa của nước này đã dung dưỡng các "ốc đảo" văn hóa trong lòng cư dân Anh, và kèm theo đó là những nhóm cư dân quá khích. Vì thế, Anh (nói riêng) và châu Âu (nói chung) cần phải đưa ra lập trường mới, kết hợp hai hình mẫu, tôn trọng người nhập cư nhưng áp đặt các qui định mới. Qui định mới yêu cầu tất cả những người nhập cư phải chứng minh kiến thức về phong tục địa phương, ngôn ngữ và phải tham dự các buổi lễ đặc biệt trao quyền công dân (12).

Không chỉ các nước phát triển lo lắng trước vấn đề nhập cư, mà ngay cả nền kinh tế đang chuyển đổi là Nga rốt cuộc cũng phải để tâm đến nó. Cuối tháng 3 năm 2006, nước Nga đã bắt tay một cách quyết liệt vào việc giải quyết vấn nạn nhập cư trái phép mà nước này hiện đang phải đối mặt. Theo Tổng giám đốc Cơ quan Di trú Liên bang Nga (FMS)- ông Konstantin Romodanovsky, nước Nga đang phải hứng chịu thiệt hại lên tới 200 tỉ rúp/năm do những người lao động trái phép gây ra; có tới 20% GDP của Gruzia và 30% GDP của Moldova là từ tiền gửi về của các người lao động tại Nga. Bởi vậy, FMS sẽ thống kê tất cả những người nhập cư trái phép nhằm giảm bớt thiệt hại do hoạt động bất hợp pháp của họ mang tới.

Tháng 11 năm 2006, FMS sẽ thành lập hệ thống thông tin cho phép tìm hiểu về tất cả những người nhập cư vào Nga. Dự luật "Về việc thống kê người nước ngoài di trú và công dân không có quốc tịch ở Liên bang Nga" sẽ cho phép tiến hành việc thống kê trên. Ngoài ra, còn có một dự luật liên quan nữa là "Về quyền của người nước ngoài ở Nga" sẽ tạo điều kiện cho những người sống ngoài vòng luật pháp đăng ký trình diện. Cả hai văn kiện này đã được Duma Nga xem xét. Bên cạnh đó, FMS cũng sẽ siết chặt việc trừng phạt những người thuê mướn nhân công nước ngoài trái phép, kể cả truy cứu trách nhiệm hình sự thay vì phạt tiền (13).

Với những dự luật khắt khe mà chính phủ của nhiều nước phát triển đưa ra, tới đây, số phận của những người nhập cư sẽ rất khó khăn. Họ sẽ vừa phải bảo tồn các giá trị truyền thống của văn hóa gốc, đồng thời phải đủ năng lực để hội nhập và thể hiện các giá trị của nền văn hóa chủ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. vietnamnet.vn, 21/3/2006.
2. Đỗ Minh Cao. "Nga - Trung: đối tác chiến lược trên tầm cao mới". Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 09, 2006.
3. BBC, 24/4/2006.
4. vnexpress.net, 29/8/2006.
5. vnexpress.net, 26/09/2006
6. 24h.com.vn, tháng 7/2006.
7. Nguồn: vnexpress.net/Vietnam/The-gioi/2007/03/
8. vnexpress.net/Vietnam/The-gioi/2003-2007.
9. cnn.com/2006.
10. www.tuoiitre.com.vn, 16-29/03/2006
11. BBC NEWS, 26/5/2006.
12. www.tuoiitre.com.vn, 16/03/2006
13. www.tuoiitre.com.vn, 30/03/2006.